

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BTL
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 93/2024/DS-ST

Ngày: 15-8-2024

v/v: "Yêu cầu chia di sản
thừa kế"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BTL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh và Ông Trần Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận BTL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân Quận BTL, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 02/4/2024 về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST-DS ngày 01/8/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 6, ngách 33/2, Tổ dân phố Văn Trì 3, phường M, quận BTL, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị B H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 11 H, phường H, quận, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 14, Tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận BTL, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông V Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: TDP Nguyên Xá 2, phường M, quận BTL, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Q (Chất), sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số nhà 124, Ngõ 160 đường T, Tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận BTL, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số nhà 122, Ngõ 160 đường T, Tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận BTL, thành phố Hà Nội; vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị K: Ông Trần Mai O, sinh năm 1971; Địa chỉ: TDP Ngọa Long 2, phường M, quận BTL, thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Sinh thời, bố tôi là cụ Nguyễn Hữu L, sinh năm 1941, mất năm 1978 có 02 người vợ là cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1941, mất năm 2020 và cụ Phan Thị V, sinh năm 1939 (không rõ năm mất). Bố tôi và mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị B có 03 người con chung là: Nguyễn Thị Q (Chết); Nguyễn Thị A và tôi Nguyễn Thị T; Ngoài ra, bố tôi và cụ Phan Thị V còn có 01 người con là chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1964. Ngoài ra, bố mẹ tôi không có con chung, con riêng nào khác. Bố tôi và cụ V chỉ sống với nhau một thời gian ngắn, không đăng ký kết hôn, sau khi sinh được chị K thì bà V đã bỏ đi, không rõ tung tích. Bố tôi và mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị B sống với nhau đến cuối đời.

Hai cụ L, cụ B trước khi chết có để lại một số tài sản là nhà đất cho 4 chị em chúng tôi. Các chị xây dựng gia đình với các anh đều là người cùng làng nên các chị ở luôn trên các diện tích đất mà bố mẹ tôi để lại. Các chị đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện còn lại một phần đất là 257.8m² (theo diện tích đo đạc của Toà án) thuộc thửa 80 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội (có nguồn gốc của ông nội tôi là cụ Nguyễn Hữu Bạng đã cho bố tôi và sau này bố mẹ tôi quản lý sử dụng từ đó đến nay không có tranh chấp). Diện tích 257.8m² này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi còn sống, mẹ tôi nói cho tôi (cả ba chị gái là chị Q, chị K, chị A đều biết việc này) các chị đồng tình với ý nguyện của mẹ tôi, các chị cũng nói rất thương tôi và khẳng định cho tôi, đồng thời các chị cam kết sẽ không tranh chấp với tôi vì thấy tôi đi lấy chồng xa, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Tôi tin các chị nên đã thực hiện sử dụng, quản lý và kê khai đứng tên nộp thuế từ trước đến nay.

Nay, tôi có nhu cầu lập hồ sơ để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm ổn định, đảm bảo quyền lợi cho mình. Tuy nhiên, hiện chị Nguyễn Thị A lại đang gây khó khăn không chịu ký cho tôi, không tạo điều kiện cho tôi có lối đi vào thửa đất dù quyền lợi của chị đã đảm bảo (chị đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Chị gây khó khăn và yêu cầu tôi phải trả thêm đất cho chị vì chị cho rằng phần đất của chị đang ít hơn của tôi.

Để ổn định và đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Tôi đề nghị Tòa án xem xét giải Q: Chia Di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Hữu L và vợ là cụ Nguyễn Thị B để lại là một phần thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15 có diện tích đất 257.8m² có địa chỉ thửa đất ở TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội cho các đồng thừa kế. Theo đó, nguyện vọng của tôi là được quyền sử dụng một nửa diện tích đất vì từ trước đến giờ tôi là người quản lý và đóng thuế đất, một nửa phần đất còn lại chia cho các chị.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc tài sản thừa kế. Sinh thời, bố mẹ tôi có phân chia tài sản cho 04 chị em, trong đó phần đất của tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần đất em T đang sử dụng thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi đồng ý với việc bố mẹ tôi có để lại cho em T diện tích đất 257.8m² trong thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15 địa chỉ thửa đất ở TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội. Tuy nhiên, tôi không đồng ý với việc bà T đòi đi chung với lối đi của phần đất nhà tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi đề nghị bà T phải tự bỏ đất để mà lấy lối đi, hoặc phải trả thêm cho tôi đất thì tôi sẽ cho bà T đi chung vào phần lối đi của thửa đất do tôi được quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến trình bày của bà T về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản thừa kế. Bố tôi là cụ Nguyễn Hữu L, sinh năm 1941, mất năm 1978 kết hôn với mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1941, mất năm 2020. Bố mẹ tôi có 03 con chung là: Nguyễn Thị Q (Chất); Nguyễn Thị A và tôi Nguyễn Thị T; Ngoài ra, bố tôi và cụ Phan Thị V có 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị K. Sau khi sinh bà K được vài năm bố tôi và bà V đã chia tay, từ đó bố mẹ tôi nuôi cả 04 chị em. Hai cụ L, cụ B trước khi chết có để lại một số tài sản là nhà đất nay thuộc thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội cho 4 chị em chúng tôi. Thửa đất trên có nguồn gốc của ông nội tôi là cụ Nguyễn Hữu Bạng đã cho bố tôi và sau này bố mẹ tôi quản lý sử dụng mấy chục năm từ đó đến nay không có tranh chấp. Chúng tôi (Q, K, A) đều xây dựng gia đình với người cùng làng nên đã ở luôn trên các diện tích đất mà bố mẹ tôi để lại. Chúng tôi (Q, K, A) đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ còn em gái út của tôi là Nguyễn Thị T đi lấy chồng xa, cuộc sống có nhiều khó khăn, em T cũng rất thiện chí và không ý kiến hay có yêu cầu thắc mắc gì với các chị khi các chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện còn lại một phần đất là 257.8m² thuộc thửa 80 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội (có nguồn gốc của ông nội tôi là cụ Nguyễn Hữu Bạng đã cho bố tôi và sau này bố mẹ tôi quản lý sử dụng từ đó đến nay không có tranh chấp). Số diện tích 257.8m² này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi còn sống, mẹ tôi cũng nói cho em Nguyễn Thị T (cả ba chị em gái chúng tôi là Q, K, A đều biết việc này); Tôi đồng ý với việc em T đề nghị Toà án chia thừa kế thửa đất này. Đề nghị Toà án phân chia cho em T được hưởng ½ diện tích thửa đất. Còn tôi và em K và em A được hưởng ½ diện tích còn lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà đồng ý với ý kiến trình bày của bà T về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản thừa kế. Bố bà là cụ Nguyễn Hữu L và mẹ là cụ Phan Thị V. Bố mẹ tôi không đăng ký kết hôn ở với nhau một thời gian ngắn thì chia tay, tôi sống với cụ L và cụ B cùng với ba chị em. Tôi

đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà T. Đề nghị Toà án giải Q theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, giao diện tích đất 257.8m² tại thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội cho bà T quản lý và sử dụng. Nếu tôi được chia một phần trong diện tích 257,8 m² tôi nhận và tặng lại cho em Nguyễn Thị T.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị T, đại diện hợp pháp của các bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Chất, bà Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế. Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị A từ chối nhận di sản thừa kế một phần tại thửa đất 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội. Bà Nguyễn Thị T, đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị Q đề nghị được đồng sử dụng khối di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội, diện tích 257.8 m², các đồng thừa kế tự mở lối đi chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BTL phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải Q vụ án.

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình xét xử vụ án.

Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong việc tổng đạt, niêm yết các văn bản của Tòa án, trong quá trình xét xử vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải Q vụ án.

Về tố tụng: Đây là vụ kiện phát sinh từ việc chia tài sản thừa kế theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 BLTTDS; Xét thấy tài sản tranh chấp là bất động sản có địa chỉ tại phường T nên yêu cầu của bà T thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân quận BTL, TP.Hà Nội quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 BLTTDS;

Về nội dung: Đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả T của các đương sự về việc phân chia di sản thừa kế của cụ B và cụ L.

Án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị di sản thừa kế mà mình được hưởng theo qui định pháp luật. Bà Q được miễn án phí do là người cao tuổi. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải Q vụ án:

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận BTL “Yêu cầu chia thừa kế ” đối với bà Nguyễn Thị A. Bị đơn bà Nguyễn Thị A và di sản thừa kế đều ở Tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận BTL, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận BTL thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền giải Q vụ án theo lãnh thổ và loại việc tại Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a,c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2020) là nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 - Bộ luật dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ B chết không để lại di chúc nên thuộc quan hệ pháp luật “Thừa kế theo pháp luật” được quy định tại Điều 649, 650, 651 BLDS năm 2015.

[4] Về hàng thừa kế, xét thấy:

Sinh thời, cụ Nguyễn Hữu L và cụ Nguyễn Thị B có 03 người con chung là: Nguyễn Thị Q (Chết), Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T và cụ L có 01 người con riêng là Nguyễn Thị K. Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi nào khác.

Do đó các bà Nguyễn Thị Q (Chết), Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị T thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L và cụ B. Bà Nguyễn Thị K là con riêng của cụ L và cụ V, hai cụ chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn một thời gian ngắn thì cụ V bỏ đi, bà K ở với cụ L và cụ B từ lúc mới sinh ra nên bà K cũng thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L và cụ B theo quy định của pháp luật về thừa kế được quy định tại Điểm a Khoản 1, Điều 651 – Bộ luật dân sự.

[5] Về di sản thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất cụ Nguyễn Hữu L và cụ Nguyễn Thị B mất không để lại di chúc.

Cụ Nguyễn Hữu L (chết năm 1978), đã hết thời hiệu phân chia thừa kế. Tuy nhiên, các đương sự đều xác định phần di sản của cụ L thuộc sở hữu chung chưa chia và đề nghị phân chia di sản nên vẫn thuộc thời hiệu giải Q của Tòa án.

Di sản thừa kế để lại là: Một phần thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội, diện tích đo đạc thực tế là 257.8 m²

Qua xác minh thì di sản thừa kế có nguồn gốc từ thửa đất số: 257, tờ 11, diện tích 1400 m², loại đất thổ cư đứng tên Nguyễn Hữu Bàng (bố đẻ cụ Nguyễn Hữu L), đến năm 1994 thửa đất số 80, tờ số 15, diện tích 884m², loại đất thổ cư đứng tên bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Hữu Văn. Thửa đất trên các bên đã tự chia không có tranh chấp,

phần đất của cụ Nguyễn Hữu Văn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần 257,8 m² còn lại thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Thị B. Việc phân chia thừa kế của cụ B và cụ L do các con của cụ L, cụ B toàn quyền Q định.

Theo kết quả định giá tài sản của Tòa án nhân dân Quận BTL thì Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là: 15.000.000 đồng x 257.8 m² = **3.867.000.000** (*Ba tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu*) đồng.

[6] Về yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, xét thấy:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L, cụ B gồm 3 người con chung là : Nguyễn Thị Q (Chắt), Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T. Cụ L có 01 người con riêng là Nguyễn Thị K. Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi nào khác.

Các đồng thừa kế đều yêu cầu Tòa án chia và hưởng di sản thừa kế của cụ B và phần tài sản cụ L để lại là phù hợp với các quy định của pháp luật, cần được chấp nhận và chia thừa kế theo quy định tại Điều 649, 651 - Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị A từ chối nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng một phần thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội là tự nguyện, không trái quy định pháp luật.

Ghi nhận sự thoả T của bà Q (Chắt), bà A, bà K và bà T đề nghị chia di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị Q (Chắt), bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị T được đồng sử dụng khối di sản thừa kế là quyền sử dụng một phần thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội, diện tích đo đạc thực tế là 257.8 m². Các đồng thừa kế có trách nhiệm tự mở lối đi chung.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng giá trị tài sản của cụ L, cụ B để lại là **3.867.000.000** (*Ba tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu*) đồng. Phần giá trị mỗi người được hưởng là: 1.289.000.000 đồng.

[7] Về các vấn đề khác:

Về chi phí xem xét, đo đạc, thẩm định và định giá tài sản do bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu (đã chi xong).

[8] Về án phí:

Xét, bà Nguyễn Thị Q (Chắt) trên 60 tuổi , có đơn xin miễn giảm án phí. Theo quy định của pháp luật bà Nguyễn Thị Q (Chắt) được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng :

- Điều 609, 610, 611, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự
- Khoản 5 Điều 26, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều a,c Khoản 1 Điều 39, 271; 273 – Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 24; 27 pháp lệnh lệ phí án phí Tòa án 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về Lệ phí, Nghị Q số 326/2016/NQ -UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Chia thừa kế theo pháp luật” của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị A về việc chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị B và cụ Nguyễn Hữu L.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị B là ngày 20/10/2020.

3. Vào thời điểm mở thừa kế của cụ B và cụ L gồm 3 người con đẻ là: Nguyễn Thị Q (Chết), Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T và cụ L có 01 người con riêng là Nguyễn Thị K. Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi nào khác.

4. *Xác định di sản thừa kế của cụ B và tài sản cụ L để lại gồm: 257.8 m² đất (Đo thực tế) tại tờ bản đồ số 80, thửa 15, địa chỉ: Tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận BTL, thành phố Hà Nội được giới hạn bởi các điểm từ 1,2,3,4,5,6,7,8,9,19,13,14,15,16,17,18,1 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).*

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị A từ chối nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng một phần thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội.

Ghi nhận sự thỏa T của bà Nguyễn Thị Q (Chết), bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị T được đồng sử dụng khối di sản thừa kế là quyền sử dụng một phần thửa đất số 80 tờ bản đồ số 15, TDP Thượng 2, phường T, quận BTL, Hà Nội. Được giới hạn bởi các điểm từ 1,2,3,4,5,6,7,8,9,19,13,14,15,16,17,18,1 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Các đồng thừa kế có trách nhiệm tự mở lối đi chung.

Các đương sự phải có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để hoàn thiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Q (Chết) được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị K mỗi người phải chịu 50.670.000 đồng (năm mươi triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng) theo biên lai số 0021437 ngày 02/4/2024. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T

số tiền 5.330.000 đồng (năm triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THA quận BTL;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Minh Huệ